

Bản án số: 160/2021/HS-PT  
Ngày 07-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Sang.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tài.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 199/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Lê Hồng Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2021/HS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Hồng Q, sinh năm 198x tại tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn S, xã V, huyện Đ. H, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: khu phố M, phường T.Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn) lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng V và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ là bà Ngô Thị Thu H và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị tạm giữ từ ngày 28/7/2020 đến 29/7/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng Q:* ông Nguyễn Ngọc H là Luật sư của Văn phòng Luật sư N. H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo, 01 hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phương A làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.Y (Việt Nam), sau đây viết tắt là Công ty L.Y tại địa chỉ: đường NA3, khu phố B, phường M.P thị xã B, tỉnh Bình Dương. A làm tại bộ phận kho nguyên liệu để sản xuất đế giày. Do không có tiền tiêu xài nên A nảy sinh ý định lấy trộm nguyên liệu là các bao hạt nhựa loại Eva 7470 của Công ty L.Y đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, A bàn bạc với Hà Văn Ng là nhân viên giao nhận hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.T (viết tắt là Công ty C.T) tại địa chỉ: đường N14, khu công nghiệp Đ.A, phường H.P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, Ng đồng ý. Ng rủ Lê Hồng Q là tài xế do ông Hà Minh Đ thuê để chở hàng cho Công ty C.T cùng tham gia. A rủ thêm Nguyễn Đình S là người làm chung bộ phận với A tham gia. Hình thức thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: khi Lê Hồng Q điều khiển xe ô tô tải biển số 61C – 393.0x chở Ng đến Công ty L.Y nhận hàng cho Công ty C.T thì A sẽ chia số nguyên liệu cần xuất ra theo hóa đơn cho Công ty C.T nhận và chia ra chở thành 02 chuyến. Khi Ng và Lê Hồng Q nhận và chở chuyến hàng thứ nhất ra khỏi cổng Công ty L.Y thì A gọi điện thoại cho Ng thông báo cho Ng biết số lượng và loại hàng cần lấy trộm đem bán là bao nhiêu để Ng và Lê Hồng Q lấy còn A và S sẽ lén lút lấy trộm đúng số lượng và loại hàng của Công ty L.Y đem lại sẵn vào vị trí tập kết hàng hóa của Công ty C.T bù vào cho đủ số lượng mà Ng và Lê Hồng Q đã lấy xuống trước đó để bù vào cho chuyến thứ hai để có đủ số lượng giao cho Công ty C.T. Đến khi Ng và Lê Hồng Q đến nhận chuyến hàng thứ hai thì lợi dụng sơ hở của bảo vệ Công ty L.Y, A là người kêu S chuẩn bị nguyên liệu để đưa lên xe cho Ng và Lê Hồng Q đem về giao đủ cho Công ty C.T. Tất cả thống nhất chia số tiền lấy trộm được là Ng và Lê Hồng Q sẽ được hưởng 50%, A và S sẽ được hưởng 50%. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/7/2020 đến ngày 28/7/2020, A, Ng, Q và S đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm các bao hạt nhựa loại Eva 7470 của Công ty L.Y 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 25/07/2020, Lê Hồng Q điều khiển xe ô tô biển số 61C-393.0x chở Ng từ Công ty C.T đến Công ty L.Y giao hàng thành phẩm và nhận nguyên liệu về gia công. Khi đến đây, Ng và Lê Hồng Q gặp A để nhận nguyên liệu. Như đã bàn bạc từ trước, khi Ng và Lê Hồng Q nhận hàng xong chuyến thứ nhất ra khỏi Công ty L.Y thì A điện thoại cho Ng kêu Ng lấy 20 bao hạt nhựa loại Eva 7470 mỗi bao có trọng lượng 25kg xuống để đem bán, Ng nói với Lê Hồng Q và Q đồng ý. Khi Lê Hồng Q điều khiển xe đến đường DE3 thuộc khu phố A, phường T.H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Lê Hồng Q và Ng lấy xuống 20 bao hạt nhựa loại Eva 7470 mỗi bao có trọng lượng 25kg, Lê Hồng Q điện thoại cho Võ Thành Tr (sinh năm 198x, địa chỉ: khu phố A.H, phường H.L, thị xã B, tỉnh Bình Dương) để thuê Tr chạy xe ba bánh chở nguyên liệu về phòng trọ của Lê Hồng Q cất giấu. Sau đó Tr điều khiển xe ba bánh biển số 61Z3 – 340x chở số hàng trên về nhà trọ của Hồng Q tại khu phố M, phường T.Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Còn A kêu S chuẩn bị 20 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25kg từ trong kho của Công ty L.Y di dời ra vị trí hàng của Công ty

C.T nhận chuyển thứ hai để Ng và Lê Hồng Q đến nhận chở đi trót lọt. Sau đó, Lê Hồng Q liên hệ với người đàn ông tên Ch không rõ nhân thân lai lịch đến mua số nguyên liệu trên với giá 300.000 đồng/bao, Lê Hồng Q bán được 20 bao với số tiền 6.000.000 triệu đồng, Hồng Q trừ tiền thuê xe ba gác là 300.000 đồng. Số tiền còn lại 5.700.000 đồng Hồng Q đưa lại cho Ng, Ng đưa cho A 3.000.000 đồng, còn lại 2.700.000 đồng Ng và Lê Hồng Q chia nhau mỗi người được 1.350.000 đồng, A chia lại cho S 1.500.000 đồng. Số tiền này tất cả đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: ngày 27/07/2020, tương tự như lần 1, như đã bàn bạc từ trước, khi Lê Hồng Q và Ng nhận hàng xong chở chuyển thứ nhất chở ra khỏi Công ty L.Y thì A gọi điện thoại cho Ng kêu Ng lấy trộm 28 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25kg đem bán, Ng nói với Lê Hồng Q, Q đồng ý. Khi Lê Hồng Q điều khiển xe đến đường DE3 thuộc khu phố A, phường T.H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, thì Ng và Lê Hồng Q bỏ xuống 28 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25kg, Lê Hồng Q gọi điện thoại cho Võ Thành Tr để thuê Tr điều khiển xe ba bánh chở số nguyên liệu trên về nhà trọ của Hồng Q tại khu phố M, phường T.Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Còn A kêu S chuẩn bị 28 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25 kg từ trong kho của Công ty L.Y di dời ra vị trí hàng của Công ty C.T nhận chuyển thứ 2 để Ng và Lê Hồng Q đến nhận chở đi trót lọt. Quá trình điều tra và truy tố Lê Hồng Q khai nhận Hồng Q đã liên hệ với đối tượng tên Ch không rõ nhân thân lai lịch đến mua số hàng trên, Hồng Q bán mỗi bao là 300.000 đồng, bán 28 bao được 8.400.000 đồng, Q trừ tiền thuê xe ba bánh và tiền uống nước 400.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng Hồng Q đưa cho Ng. Sau đó, Ng đưa lại cho A 4.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng Ng và Hồng Q chia nhau mỗi người được 2.000.000 đồng, A chia lại cho S số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Hồng Q khai nhận đối với 28 bao hạt nhựa này Q chưa bán mà vẫn để tại phòng trọ của bị cáo tại khu phố M, phường T.Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương; tuy nhiên Hồng Q tự ứng trước tiền của mình để đưa cho Ng số tiền 8.000.000 đồng để Ng đưa lại cho A và S, theo đó sau khi trừ tiền tiền thuê xe ba bánh và tiền uống nước 400.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng Hồng Q đưa lại cho Ng, Ng đưa lại cho A 4.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng bị cáo đưa số tiền này cho bị cáo Ngh. Số tiền này các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: ngày 28/7/2020, khi Hồng Q điều khiển xe ô tô tải biển số 61C – 393.0x chở Nghĩa từ Công ty C.T đến Công ty L.Y giao hàng thành phẩm và nhận nguyên liệu về gia công. Khi đến đây, Ng và Hồng Q gặp A để nhận nguyên liệu. Như đã bàn bạc từ trước, khi Hồng Q và Ng nhận hàng xong chuyển thứ nhất chở ra khỏi Công ty L.Y thì A điện thoại cho Ng kêu Ng và Hồng Q lấy trộm 33 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25 kg đem bán thì Ng và Hồng Q đồng ý. Khi Hồng Q điều khiển xe đến đoạn đường DE3 thuộc khu phố A, phường T.H, thị xã B, tỉnh Bình Dương thì Ng và Hồng Q lấy xuống 33 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25kg, Hồng Q gọi điện thoại cho Võ Thành Tr để thuê xe ba bánh, Tr đồng ý và điều khiển

xe ba bánh đến nơi hẹn để chờ hàng cho Hồng Q. Khi Hồng Q và Ng đang chất 33 bao hạt nhựa loại Eva 7470 lên xe ba bánh của Tr thì bị lực lượng tuần tra của Công an Đoàn khu công nghiệp M.P phát hiện bắt quả tang cùng tang vật: gồm 01 (một) xe ba bánh màu xanh, biển số 61Z3-340x trên xe có 33 (ba mươi ba) bao hạt nhựa loại Eva 7470; 01 (một) xe ô tô tải hiệu Huyndai, màu trắng, biển số 61C-393.0x, số khung RLUNFT7KAJN0001xx, số máy D4GAJJ2358xx trên xe có 80 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25 kg; 13 bao hạt nhựa loại 40055, mỗi bao có trọng lượng 25kg; 12 bao hạt nhựa loại 653004, mỗi bao có trọng lượng 25 kg; 36 bao liệu mè, mỗi bao có trọng lượng 16,2 kg và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thụ lý theo thẩm quyết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã xác định hiện trường nơi xảy ra sự việc mất trộm và xác định số lượng tài sản bị mất của Công ty L.Y.

Theo Kết luận số 33/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: 20 bao hạt nhựa (500 kg) loại Eva 7470 trị giá 13.000.000 đồng; theo Kết luận số 34/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: 28 bao hạt nhựa (700 kg) loại Eva 7470 trị giá 18.344.000 đồng; theo Kết luận số 35/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: 33 bao hạt nhựa (825 kg) loại Eva 7470 trị giá 21.620.775 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 52.964.775 (năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng.

Qua xác minh, xác định được xe ô tô nhãn hiệu Huyndai màu trắng biển số 61C-393.0x là do Hà Minh Đ (sinh năm 197x, trú tại: phường P.H, thành phố M, tỉnh Bình Dương) đứng tên chủ sở hữu. Ông Đ thuê Lê Hồng Q làm tài xế vận chuyển hàng hóa thuê cho Công ty C.T theo chuyển. Ông Đ và Công ty C. T không biết Hồng Q sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội. Ngày 31/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe ô tô biển số 61C-393.0x cho ông Hà Minh Đ.

Ngày 31/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho người đại diện hợp pháp của Công ty C.T: 33 (ba mươi ba) bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25kg; 80 bao hạt nhựa loại Eva 7470, mỗi bao có trọng lượng 25 kg; 13 bao hạt nhựa loại 40055, mỗi bao có trọng lượng 25kg; 12 bao hạt nhựa loại 653004, mỗi bao có trọng lượng 25 kg; 36 bao liệu mè, mỗi bao có trọng lượng 16,2 kg.

Đối với xe ba bánh màu xanh có biển số 61Z3-340x, số máy LX162MKPC0214xx, không kiểm tra được số khung, xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Xe này do ông Tr mua lại của người khác nhưng không làm giấy tờ mua bán xe nên không biết thông tin người bán. Qua tra cứu thông tin biển số 61Z3-340x được cấp cho xe hai bánh, nhãn hiệu: CHUNGHAI, có số khung 0386x; số máy 00386x được cấp cho ông Đỗ Thanh B (địa chỉ: khu phố B.P, phường B.C, thành phố T.A tỉnh Bình Dương) là chủ xe. Năm 2010, ông B đã bán cho người khác, việc mua bán chiếc xe trên không làm hợp đồng cũng như thủ tục sang tên nên ông B không có thông tin của người mua xe, tra cứu

thông tin đối với xe ba bánh màu xanh có số máy LX162MKPC0214xx không có cơ sở dữ liệu.

Ngày 03/8/2020, Lê Hồng Q đại diện cho các bị cáo khác đã trả lại cho người đại diện hợp pháp của Công ty L.Y 48 bao hạt nhựa loại Eva 7470 mỗi bao 25kg, tổng trọng lượng 1.200kg. Công ty L.Y đã nhận lại 48 bao hạt nhựa loại Eva 7470, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Phương A, Hà Văn Ng, Lê Hồng Q và Nguyễn Đình S thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Võ Thành Tr là người điều khiển xe ba bánh chở các bao nguyên liệu do bị cáo Lê Hồng Q thuê chở nhưng ông Trung hoàn toàn không biết số nguyên liệu trên là do Lê Hồng Q cùng đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội lấy trộm tài sản của bị hại. Ông Tr chỉ nhận đúng số tiền chở hàng thuê từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng mỗi chuyến. Hành vi trên của ông Tr không có dấu hiệu phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã B không xử lý.

Cáo trạng số 182/CT-VKSBC ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Phương A cùng các bị cáo khác về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2021/HS- ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phương A, Hà Văn Ng, Lê Hồng Q và Nguyễn Đình S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2020 đến ngày 29/7/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Phương A 02 (hai) năm 3 (ba) tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 02 (hai) năm tù; xử phạt bị cáo Hà Văn Ng 02 (hai) năm 3 (ba) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù; tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 12/10/2021, bị cáo Lê Hồng Q kháng cáo cho rằng chỉ tham gia chiếm đoạt 02 lần, không tham gia lần thứ 3 và kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo

trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo chỉ tham gia 02 lần chiếm đoạt tài sản cùng các bị cáo khác (vào ngày 25 và 27/7/2020), riêng ngày 28/7/2020 bị cáo không tham gia nên không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, trình bày của bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời khai của các bị cáo khác có đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Hồng Q gia chiếm đoạt tài sản là hạt nhựa loại Eva 7470 có tổng trọng lượng 1.200kg trị giá 52.964.775 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Bị cáo phạm tội nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm tù là không nặng, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã B.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: lời trình bày của bị cáo về việc không tham gia chiếm đoạt lần thứ 3 là có cơ sở, theo quy trình kiểm phiếu thì đủ số lượng nên bị cáo cho rằng mình là người báo với bảo vệ khi kiểm tra xe là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Người bào chữa cho rằng việc áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo là không đúng, bởi lẽ giá trị chiếm đoạt 03 lần của bị cáo đã cấu thành tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nếu áp dụng như vậy là trái với quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[2] Về nội dung:

Bị cáo Lê Hồng Q kháng cáo cho rằng chỉ chiếm đoạt tài sản của Công ty L.Y là các bao hạt nhựa loại Eva 7470 vào các ngày 25 và 27/7/2020, riêng ngày 28/7/2020 bị cáo không tham gia mà bị cáo là người báo với lực lượng kiểm tra

xe nên mới phát hiện các bị cáo khác chiếm đoạt của Công ty L.Y 33 bao hạt nhựa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt 03 lần là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo cho rằng bị cáo không tham gia chiếm đoạt 33 bao hạt nhựa của Công ty L.Y vào ngày 28/7/2020 nhưng căn cứ vào các bản tự khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo Hà Văn Ng trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của Võ Thành Tr (người bị cáo Lê Hồng Q liên hệ đến để chở hàng mang về nhà Q) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: từ ngày 25/7/2020 đến ngày 28/7/2020, bị cáo cùng Nguyễn Phương A, Hà Văn Ng, Nguyễn Đình S đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty L.Y là các bao hạt nhựa nguyên liệu loại Eva 7470. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại (48 bao hạt nhựa có tổng trọng lượng 1.200kg) là 52.964.775 (năm mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng. Bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ đúng pháp luật.

Trình bày của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo về việc bị cáo không tham gia chiếm đoạt 33 bao hạt nhựa của Công ty L.Y vào ngày 28/7/2020 là không có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (03 lần) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, trường hợp của bị cáo không đủ điều kiện để cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội nhiều lần đã là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do vậy bị cáo không còn tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”, trình bày của người bào chữa là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, tổng giá trị tài sản bị cáo Q chiếm đoạt 03 lần đã thỏa mãn dấu hiệu định khung tăng nặng (điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự) và các lần phạm tội này đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngoài việc bị áp dụng khung hình phạt tương ứng, bị cáo Q còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Việc áp dụng khung hình phạt tăng nặng trong trường hợp này là căn cứ vào giá trị tài sản chiếm đoạt, còn áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” là căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội nên không trái với quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như người bào chữa trình bày.

Kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng Q. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2021/HS- ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2020 đến ngày 29/7/2020.

2. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Hồng Q phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, LTH, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Sang**



